

Bản án số: 398/2025/LĐ-ST
Ngày: 20-8-2025
V/v “*Tranh chấp về tiền lương*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hải

2. Bà Trần Thị Ngọc Lước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án lao động thụ lý số: 285/2025/TLST-LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp về tiền lương*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2025/QĐXXST-LĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2025/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2025/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Phạm Mỹ D, sinh năm 2001 (có mặt).

Nơi cư trú: P - B A, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Trụ sở: 11 H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Thanh N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 13.1 Chung cư L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Phạm Mỹ D trình bày:

Ngày 19/8/2024, bà Đinh Phạm Mỹ D và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (gọi tắt là Công ty T1) có ký Thư mời nhận việc thời gian thử việc là 02 tháng, thời gian bắt đầu công việc từ 19/8/2024, chức vụ nhân viên vận hành sàn thương mại điện tử, mức lương chính thức là 8.000.000 đồng/tháng + thưởng doanh số đạt KPI, mức lương thử việc bằng 100% lương chính thức.

Ngày 19/9/2024, bà Đinh Phạm Mỹ D nhận được số tiền 3.111.000 đồng thanh toán cho những ngày công làm việc từ 19/8/2024 -31/8/2024 từ chủ tài khoản Đỗ Thị Thanh N, số tài khoản 141687369 - Ngân hàng TMCP A là người đại diện theo pháp luật của Công ty T1.

Ngày 02/10/2024, bà Đinh Phạm Mỹ D nhắn tin với bà Đỗ Thị Thanh N để xin chấm dứt quan hệ lao động tại Công ty T1 vì lý do cá nhân và bà N thông báo cho bà D ngày 03/10/2024 lên Công ty sẽ giải quyết. Ngày 03/10/2024, bà D được ông Đặng Trường M và bà Đỗ Thị Thanh N cho phép làm việc ở nhà để giải quyết việc cá nhân. Bà D bắt đầu làm việc tại nhà từ ngày 05/10/2024 và vẫn tiếp tục hoàn thành các công việc đến ngày 10/10/2024. Ngày 11/10/2024 bà D nhận được cuộc gọi của bà N thông báo về việc không đảm bảo hoàn thành công việc nên đồng ý cho bà D nghỉ việc và bàn giao công việc lại cho bà N.

Vào lúc 14 giờ 10 phút ngày 11/10/2024, bà D đã gửi file bàn giao lại cho bà N để chấm dứt thời gian thử việc và quan hệ lao động tại Công ty T1. Ngày 15/10/2024, nhân sự của Công ty T1 đã gửi cho bà D bảng chấm công của tháng 9/2024. Ngày 16/10/2024 bà N báo bà D sẽ không nhận được lương tháng 9 và tháng 10 vì lý do “*nghi không đúng theo quy định 15 đến 30 ngày theo quy định công ty và có biên bản sai phạm đền bù bằng tiền mặt do làm sai gây thiệt hại cho công ty*”.

Ngày 20/10/2024 bà Đinh Phạm Mỹ D không nhận được tiền lương cho các ngày công làm việc từ ngày 01/9/2024 đến ngày 30/09/2024. Bà D liên hệ bên phía Công ty T1 đề nghị thanh toán lương nhưng vẫn không phản hồi. Ngày 10/12/2024, bà D đã gửi đơn đề nghị hòa giải lao động nhưng không thành. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T1 thanh toán cho bà D tiền lương thử việc tháng 9/2024 là 8.000.000 đồng.

Nguyên đơn khẳng định tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã cung cấp đầy đủ những chứng cứ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập quan hệ lao động, nguyên đơn tranh chấp tiền lương thử việc do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp về tiền lương thử việc” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bà Đinh Phạm Mỹ D khởi kiện đối với Công ty T1 có trụ sở tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 32; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt bị đơn.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập ghi tự khai, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty T1 vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến nhưng bị đơn Công ty T1 không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Phạm Mỹ D, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn. Bị đơn Công ty T1 vắng mặt, đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập theo Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty T1.

[3] Về điều kiện khởi kiện.

Tranh chấp về tiền lương thử việc giữa bà D và Công ty T1 đã qua thủ tục hòa giải phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật lao động năm 2019.

Ngày 24/02/2025 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019 vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về xác định quan hệ lao động và tính hợp pháp của thư mời nhận việc.

Bà Đinh Phạm Mỹ D vào làm việc tại Công ty T1 theo Thư mời nhận việc ngày 19/8/2024, đảm nhận chức vụ nhân viên vận hành sàn thương mại điện tử, mức lương chính thức là 8.000.000 đồng/tháng + thưởng doanh số đạt KPI, mức lương thử việc bằng 100% lương chính thức, thời gian thử việc 02 tháng từ ngày 19/8/2024.

Do đó, có cơ sở xác định Thư mời nhận việc trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa

đổi hay ép buộc nên đây là có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Bộ luật lao động năm 2019 thì thời gian thử việc “*không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên*” và khoản 2 Điều 147 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thời điểm bắt đầu thời hạn “*Khi thời hạn được xác định bằng ngày, tuần, tháng, năm thì ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày được xác định*”. Do đó, thời gian thử việc theo hợp đồng mà các bên thỏa thuận là 02 tháng từ ngày 19/8/2024 đến ngày bà D thực tế làm việc là 10/10/2024 không vượt quá 60 ngày và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 Bộ luật lao động năm 2019. Ngày 11/10/2024, Công ty T1 cho bà D nghỉ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Bộ luật lao động năm 2019 thì “*trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ hợp đồng thử việc hoặc hợp đồng lao động đã giao kết mà không cần báo trước và không phải bồi thường*”. Như vậy, việc Công ty T1 hủy bỏ hợp đồng thử việc đối với bà D là vẫn đảm bảo trong thời gian thử việc, đồng thời không cần báo trước và không phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu Tòa án buộc Công ty T1 thanh toán tiền lương thử việc tháng 9/2025 là 8.000.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập và tại phiên tòa bà D xác nhận đã nhận đủ lương thử việc đến hết tháng 8/2024. Ngày 11/10/2024 giữa bà D và Công ty T1 hủy bỏ hợp đồng thử việc căn cứ theo quy định Điều 26 Bộ luật lao động năm 2019 và Điều 3 Thư mời nhận việc ngày 19/8/2024 xác định Công ty T1 chưa thanh toán tiền lương thử việc tháng 9/2024 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền nợ lương thử việc tháng 9/2024 là 8.000.000 đồng của bà D.

Ghi nhận bà D chỉ yêu cầu Công ty T1 trả tiền lương thử việc tháng 9/2024 là 8.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề khác.

[6] Về án phí.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo.

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1, Điều 5, Điều 6, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 188, Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Phạm Mỹ D.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 phải trả cho bà Đinh Phạm Mỹ D tiền lương thử việc tháng 9/2024 là 8.000.000 (tám triệu đồng) theo Thư mời nhận việc ngày 19/8/2024 giữa bà Đinh Phạm Mỹ D và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

2. Về án phí lao động sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng).

Bà Đinh Phạm Mỹ D không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 5;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh